

Số: /KH-SNV

Lào Cai, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số của Sở Nội vụ giai đoạn 2021-2025 và năm 2021

Căn cứ Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 về phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2020-2025 (sau đây gọi tắt là ĐA 08);

Thực hiện Quyết định số 1634/QĐĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh về chuyển đổi số và triển khai thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai năm 2021;

Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai xây dựng kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 và năm 2021, với các nội dung cụ thể như sau:

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, THỜI CƠ, THÁCH THỨC

1. Thuận lợi

- Trong những năm qua được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Bộ Nội vụ và sự quyết tâm của Lãnh đạo Sở Nội vụ trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025 và Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Sở Nội vụ đã xác định việc thực hiện chuyển đổi số là nhiệm vụ hết sức quan trọng góp phần thay đổi kỹ năng và thói quen trong việc xử lý văn bản không giấy; xử lý TTHC không tiếp xúc và thanh toán không dùng tiền mặt Từ đó giúp hoạt động của cơ quan nhà nước hiệu lực, hiệu quả, minh bạch, hạn chế tham nhũng, lãng phí góp phần cho sự phát triển cho xã hội.

- Hệ thống văn bản về chuyển đổi số, lưu trữ tài liệu điện tử đã được Trung ương và tỉnh ban hành là cơ sở để Sở Nội vụ xây dựng Kế hoạch và thực hiện các nội dung liên quan đến số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu.

- Bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Nội vụ hiện nay cơ bản đã thực hiện mức độ 3, 4; 100% CC,VC Sở Nội vụ đảm bảo sử dụng thành thạo kỹ năng tin học văn phòng, kỹ năng khai thác thông tin qua môi trường mạng internet.

2. Khó khăn

- Chuyển đổi số là lĩnh vực mới cần phải có kiến thức sâu về CNTT và thường xuyên phải được cập nhật hướng dẫn và nâng cao kiến thức, kỹ năng. Bên cạnh đó công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng hiện nay đang là vấn đề đặc biệt quan trọng đối với mỗi cơ quan, đơn vị.

- Việc đào tạo, đào tạo lại, chuẩn hóa kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng số cho công chức công nghệ thông tin còn ít. Hạ tầng trang thiết bị mặc dù đã được đầu tư, nhưng chưa đồng bộ, chất lượng chưa cao. Kinh phí đầu tư trang thiết bị (máy chủ) còn hạn chế.

- Việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa cấp bộ và cấp tỉnh, sở ngành chưa được kết nối. Việc ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào công tác lưu trữ còn chưa đồng bộ nên việc tích hợp cơ sở dữ liệu lưu trữ điện tử từ các đơn vị về cơ sở dữ liệu Lưu trữ lịch sử tỉnh còn khó khăn.

II. QUAN ĐIỂM, YÊU CẦU

1. Quan điểm

1.1. Công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đối với lĩnh vực Sở Nội vụ tập trung minh bạch công khai trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; trọng tâm là giải quyết các vấn đề căn bản về thủ tục hành chính.

1.2. Các chương trình, nhiệm vụ cần tuân thủ Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Lào Cai.

1.3. Quá trình thực hiện cân đối giữa nhu cầu và khả năng thực hiện, phù hợp với các điều kiện về tổ chức, kỹ thuật và nguồn lực; có lộ trình phù hợp, trong đó ưu tiên triển khai trước những nhiệm vụ khả thi, tác động cao, đòi hỏi nguồn lực hợp lý, thời gian thực hiện ngắn.

1.4. Khai thác, sử dụng tối đa các dịch vụ công nghệ thông tin đã triển khai, cung cấp và ưu tiên sử dụng các dịch vụ sẵn có, đã được kiểm chứng; chia sẻ các dịch vụ, dữ liệu cho các đơn vị, địa phương khác.

1.5. An toàn thông tin là yếu tố xuyên suốt trong quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và các tài nguyên công nghệ thông tin trong phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số.

2. Yêu cầu

Chủ động triển khai kịp thời, hiệu quả, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy về phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2020 - 2025 và Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Nội dung thực hiện phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình của Đề án, Chương trình chuyển đổi số của Tỉnh ủy và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; việc triển khai các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp phải đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với từng đối tượng liên quan.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Các hoạt động của Sở Nội vụ đảm bảo hiệu lực, hiệu quả và đổi mới; việc tác nghiệp trên môi trường mạng được đảm bảo an toàn thông tin; xây dựng và cung cấp cơ bản đầy đủ các dữ liệu của chính quyền dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở; người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ. Từ đó góp phần thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực dân cư thành thị, nông thôn, vùng sâu, vùng xa; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nhờ công nghệ số.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2021 và đến năm 2025

- Kết nối mạng diện rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 100% các phòng, ban, đơn vị. Hạ tầng dịch vụ của 100% hệ thống thông tin dùng chung của Sở chuyển đổi sang địa chỉ IPv6. 100% các phòng, ban, đơn vị được đầu tư đảm bảo về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai ứng dụng CNTT. 100% cán bộ, công chức được tập huấn chuẩn hóa kỹ năng về ứng dụng CNTT.

- 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 90% văn bản trao đổi với các cơ quan nhà nước (CQNN) được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật); Tối thiểu 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Trên 90% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với hệ thống báo cáo quốc gia. 40% công tác báo cáo với trung ương được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- 100% thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; Trên 80% TTHC đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; tích hợp các DVCTT mức độ 3, mức độ 4 đạt 50% trở lên; 100% giao dịch giữa hệ thống thông tin một cửa dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ quốc gia được xác thực hiện từ.

- 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; 30% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- Tối thiểu 90% tổ chức, cá nhân hài lòng về việc giải quyết TTHC; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo DVCTT mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt 35-40% năm 2021 và 50% trở lên giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai các hoạt động thanh toán điện tử; giao dịch điện tử; Cung cấp dịch vụ công trực tuyến 24/7; thực hiện hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (thuộc lĩnh vực ngành nội vụ) và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số.

- 80% phòng, ban, đơn vị được triển khai giải pháp nâng cao an toàn thông tin. Tổ chức các hội thảo, hội nghị trực tuyến, trực tiếp với sự tham gia của các chuyên gia về Chuyển đổi số. Cử các cán bộ tham dự các khóa đào tạo về chuyển đổi số do tỉnh, Sở Thông tin và truyền thông và các ngành liên quan tổ chức...

- Tối thiểu 30% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch công chức (chuyên viên), thăng hạng viên chức được thực hiện trực tuyến; 70% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản. 5% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- 10% hoạt động kiểm tra của Sở, phòng, ban, đơn vị được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 10% hệ thống thông tin có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác có kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

- 30% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ (các hoạt động cơ bản) của Sở được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất. Nghiên cứu giải pháp Chuyển đổi số gắn với CCHC, xây dựng Chính quyền số của tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Rà soát, ban hành quy định, quy chế quản lý vận hành, sử dụng các nền tảng, dữ liệu và các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh (thuộc lĩnh vực nội vụ).

- Nghiên cứu rà soát, loại bỏ một số thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số.

- Xây dựng, ban hành bộ tiêu chí và đánh giá xếp hạng chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Triển khai thực hiện chính sách đãi ngộ đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin trong quá trình chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch hằng năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số và thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai (thay thế Kế hoạch ứng dụng CNTT hằng năm).

2. Hoàn thiện nâng cao chất lượng hạ tầng số

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT cho các phòng, ban, đơn vị đủ điều kiện, tiêu chuẩn để phục vụ chính quyền số.

- Triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi Ipv6 trong nội bộ Sở. Trang bị máy scand cho các đơn vị.

- Cấu trúc lại Công thông tin điện tử Sở Nội vụ theo hướng bổ sung thêm các chuyên mục về công tác chuyển đổi số của Sở Nội vụ.

3. Xây dựng, phát triển nền tảng số

a) Phát triển hạ tầng số

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT cho các phòng, ban, đơn vị đủ điều kiện, tiêu chuẩn để phục vụ chính quyền số.

- Triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi Ipv6 trong nội bộ Sở.

- Cấu trúc lại Công thông tin điện tử Sở Nội vụ theo hướng bổ sung thêm các chuyên mục về công tác chuyển đổi số của Sở Nội vụ.

b) Phát triển nền tảng số

- Số hóa hồ sơ vĩnh viễn của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn lưu trữ lịch sử tỉnh. Xây dựng cơ sở dữ liệu đặc tả tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh phục vụ độc giả sử dụng tài liệu trực tuyến. Tích hợp cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử các ngành vào Lưu trữ lịch sử tỉnh và hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu Lưu trữ quốc gia.

- Số hóa tài liệu kho lưu trữ của Sở, những tài liệu có thời gian bảo quản từ 20 năm trở lên.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Lào Cai. Số hóa hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của Sở.

- Xây dựng Phần mềm cơ sở dữ liệu về tổ chức bộ máy, biên chế và đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

4. Phát triển dữ liệu

- Cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tổ chức tích hợp, chia sẻ cho các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ để ứng dụng CNTT toàn diện trong các quy trình hoạt động, rút ngắn quy trình xử lý, hạn chế tối đa sử dụng văn bản giấy, giảm số lượng và đơn giản hóa nội dung, hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện TTHC.

- Ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử xác thực điện tử, văn phòng điện tử... Đổi mới phương thức làm việc truyền thống sang môi trường trực tuyến sử dụng nền tảng số.

5. Phát triển các ứng dụng dịch vụ

- a) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động nội bộ:

- Rà soát tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử Sở Nội vụ thông qua tính năng tương tác của mạng xã hội. Tạo điều kiện để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật.

- Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét đề nghị đơn vị bưu chính giám (hoặc hỗ trợ) chi phí cho người dân khi thực hiện TTHC trực tuyến.

- Triển khai dịch vụ công, tăng cường phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

b) Phát triển các ứng dụng dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động nội bộ:

- Nâng cấp, mở rộng phần mềm đánh giá chấm điểm chỉ số CCHC đối với các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác sử dụng tài liệu Lưu trữ lịch sử tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong các hoạt động thi tuyển, thi nâng ngạch, thăng hạng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

- Nâng cấp phần mềm quản lý dữ liệu thi đua, khen thưởng.

- Sử dụng công nghệ nhận diện văn bản đến, quét lên phần mềm quản lý hồ sơ công việc.

6. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Triển khai đánh giá và xây dựng phương án bảo vệ các hệ thống thông tin theo cấp độ trên tất cả các hệ thống thông tin của Sở.

- Xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách an toàn thông tin kết hợp với nhân sự phụ trách CNTT của các doanh nghiệp, tổ chức.

- Xây dựng các chương trình hợp tác và phối hợp triển khai các kế hoạch phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin mạng cho tỉnh.

- Tổ chức hội nghị nâng cao kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho Sở Nội vụ.

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, đào tạo lại, chuẩn hóa kỹ năng CNTT, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Phát triển, đào tạo đội ngũ chuyên trách, phụ trách CNTT quản lý vận hành các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Triển khai thực hiện chính sách đãi ngộ đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin trong quá trình chuyển đổi số, nhằm phát huy nguồn lực về CNTT tại tỉnh và thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về CNTT đến công tác, làm việc tại tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo 20 chuyên gia của tỉnh về an toàn thông tin mạng, chuyển đổi số.

- Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo, đào tạo về chuyển đổi số và định hướng xây dựng chính phủ số. Các cơ quan, tổ chức tăng cường thực hiện hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ lớn của Việt Nam và trên thế giới để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ mới, mô hình mới.

8. Nhiệm vụ phát triển Chính quyền số

Hoàn thiện hệ thống thông tin chuyên ngành trên nền tảng số hóa và vận hành bởi quy trình số. Tạo lập dữ liệu thông kê phục vụ quản lý số liệu chuyên ngành, tổng hợp số liệu chỉ tiêu kinh tế xã hội. Triển khai trung tâm điều hành thông minh (OC) tại Sở. Nhiệm vụ thực hiện theo mục tiêu đã nêu tại mục 2, phần III: Mục tiêu cụ thể năm 2021 và đến năm 2025.

V. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Chi tiết tại phụ biểu)

VI. NHIỆM VỤ SỞ NỘI VỤ ĐƯỢC UBND TỈNH GIAO CỤ THỂ TẠI KẾ HOẠCH SỐ 257/KH-UBND NGÀY 04/6/2021

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đồng bộ chương trình, kế hoạch cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước.

- Thời gian thực hiện: Theo phân kỳ kế hoạch.
- Đơn vị chủ trì thực hiện: Phòng Cải cách hành chính.
- Đơn vị chủ trì phối hợp: các phòng TCBC, CCVC, XDCQ.

2. Ưu tiên bố trí biên chế CNTT phù hợp với yêu cầu thực tế, chỉ tiêu đào tạo chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT, đào tạo về chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức; đào tạo chuyên sâu về CNTT, an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, phụ trách CNTT trong các cơ quan NN.

- Thời gian thực hiện: Theo phân kỳ kế hoạch.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Công chức viên chức;
- Đơn vị phối hợp: Phòng TCBC, CCHC.

3. Phối hợp với Sở TTTT phát động phong trào thi đua chuyển đổi số

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2021.
- Đơn vị chủ trì: Ban Thi đua khen thưởng chủ trì.

VII. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa cơ quan với doanh nghiệp.

3. Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lực công nghệ thông tin.
4. Thúc đẩy hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm giữa các sở ngành, và Sở Nội vụ các tỉnh, thành trong cả nước.

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước và được cấp theo dự toán hàng năm theo quy định và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở:

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc triển khai việc chuyển đổi số tại kế hoạch này.
- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) về tình hình, kết quả triển khai kế hoạch.
- Xây dựng dự toán hàng năm để sửa chữa, bổ sung, nâng cấp, hệ thống trang thiết bị, phương tiện đảm bảo phục vụ công tác chuyển đổi số.

2. Phòng CCVC (công chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin được giao chuyên trách về chuyển đổi số)

- Phối hợp chặt chẽ trong việc tham mưu cho Lãnh đạo Sở triển khai, ứng dụng chuyển đổi số trong thực hiện các nhiệm vụ của Sở Nội vụ.
- Tham mưu kịp thời cập nhật, sửa đổi, đề xuất nâng cấp, sửa chữa hệ thống máy móc, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số. Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao theo Kế hoạch này.

3. Ban biên tập Cổng thông tin điện tử: Thường xuyên cập nhật thông tin, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị cung cấp tin bài, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, ngành về chuyển đổi số lên Cổng thông tin điện tử.

4. Các phòng, ban, đơn vị: Phối hợp với Văn phòng Sở triển khai thực hiện nội dung trong kế hoạch này. Định kỳ hàng tháng báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nội dung được giao theo kế hoạch.

5. Các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 92/UBND ngày 04/3/2021; Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh

a) Phòng Cải cách hành chính:

- Chủ trì tham mưu triển khai các nhiệm vụ được giao cụ thể; làm đầu mối định kỳ tham mưu báo cáo kết quả triển khai thực hiện các lĩnh vực Nội vụ được giao có liên quan, theo yêu cầu của cấp trên.
- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đồng bộ chương trình, kế hoạch CCHC trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.

b) Các phòng CCVC, TCBC, Ban Thi đua khen thưởng: Chủ trì các nhiệm vụ được giao và phối hợp báo cáo tiến độ theo quy định.

- Ưu tiên bố trí biên chế CNTT phù hợp với yêu cầu thực tế, chỉ tiêu đào tạo chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT, đào tạo về chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ

công chức, viên chức; đào tạo chuyên sâu về CNTT, an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT trong các cơ quan nhà nước.

Trên đây là kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 và năm 2021 của Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận

- Các sở: TT và Truyền thông; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị của Sở;
- Lưu: VT, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Minh

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ SỞ NỘI VỤ
(Ban hành kèm theo kế hoạch số /KH-SNV ngày / /2021 của Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Lĩnh vực/Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí TH	Ghi chú
I	Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số					
1	Chuyển đổi nhận thức					
1.1	Phổ biến nội dung cuốn tài liệu Cẩm nang chuyển đổi số đăng tải tại địa chỉ: https://dx.mic.gov.vn đến tới cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và người dân.	Các phòng, ban, đơn vị Sở		Thường xuyên.		
1.2	Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của Sở Nội vụ trên cổng thông tin điện tử của Sở.	Ban Biên tập Cổng TTĐT Sở Nội vụ	Các phòng, ban, đơn vị Sở	Hàng năm		
1.3	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức mới và kỹ năng nghiệp vụ văn thư, lưu trữ điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn thư, lưu trữ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.	Phòng Cải cách hành chính - QLVT,LT	Các cơ quan, đơn vị	2021-2025	1080 triệu Trong đó: Năm 2021 là 180 triệu	KH số 82/KH-UBND (mục 4.5;8.1) ngày 11/3/2021 của UBND tỉnh
1.4	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức mới và kỹ năng nghiệp vụ văn thư, lưu trữ điện tử cho lãnh đạo, nhân viên làm công tác văn thư, lưu trữ tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.	Phòng Cải cách hành chính - QLVT,LT	Các cơ quan, đơn vị	2021-2025	1000 triệu Trong đó: Năm 2021 là 200 triệu	Đang trình UBND tỉnh ban hành kèm theo KH Văn thư điện tử (TT số 318/SNV-TTr ngày 11/6/2021 của Sở Nội vụ)
1.5	Tổ chức tuyên truyền các văn bản, hoạt động về văn thư, lưu trữ của tỉnh	Phòng Cải cách hành chính - QLVT,LT		2021-2025	500 triệu trong đó: 2021 - 100 triệu	Đang trình UBND tỉnh ban hành kèm theo KH Văn thư điện tử (TT số 318/SNV-TTr ngày 11/6/2021 của Sở Nội vụ)

2	Kiến tạo thể chế					
2.1	Rà soát, ban hành quy định, quy chế cho các cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin do đơn vị chủ trì khai thác, quản lý.	Phòng CCVC (CC làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin mạng)	Các phòng, ban, đơn vị Sở.	Hàng năm		
2.2	Nghiên cứu đổi mới, ban hành các quy trình nghiệp vụ được số hóa và vận hành dựa trên dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo điều hành của Sở: Tái cấu trúc các quy trình nghiệp vụ trong giải quyết TTHC của tỉnh.	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị	Thường xuyên	NSNN	
2.3	Triển khai thực hiện chính sách đãi ngộ đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin trong quá trình chuyển đổi số: Giao nhiệm vụ cho bộ phận, cán bộ chuyên trách về Chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị	Quý IV	NSNN	
2.4	Xây dựng kế hoạch hàng năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số, Đề án số 08-ĐA/TU (thay thế cho Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm).	Văn phòng Sở (Công chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin mạng)	Các phòng, ban, đơn vị;	Hàng năm		
2.5	Xác thực giá trị pháp lý cho tài liệu điện tử	Phòng Cải cách hành chính - QLVT,LT	Các phòng, ban, đơn vị	2021-2025	10.000, trong đó năm 2021: 2000	KH số 82/KH-UBND ngày 11/3/2021 của UBND tỉnh (Hoạt động 6.5)
3	Đảm bảo an toàn, an ninh mạng					
3.1	Phối hợp triển khai đánh giá và xây dựng phương án bảo vệ các hệ thống thông tin theo cấp độ trên tất cả các hệ thống thông tin của Sở.	Văn phòng Sở, (CC làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin mạng)	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	NSNN	

3.2	Tham gia các chương trình hỗ trợ, nâng cao kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin; tăng cường kiểm soát thông tin và hướng dẫn thực hiện kiểm soát thông tin trên môi trường mạng	Văn phòng Sở (CC làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin mạng)				
3.3	Triển khai các hệ thống làm việc từ xa theo các hình thức trực làm việc phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh khác nhau, bảo đảm kế thừa, kết nối với các hệ thống thông tin của tỉnh đã được xây dựng. - Duy trì hoạt động hệ thống giao ban trực tuyến - Triển khai thực hiện các giải pháp làm việc từ xa dành cho CCVC trong thời điểm diễn ra dịch bệnh Covid - 19	Văn phòng Sở (CC làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin mạng)	Các phòng, ban, đơn vị	Thường xuyên		
3.4	Triển khai dịch vụ công, tăng cường phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Hoàn thiện mô hình cung cấp dịch vụ công theo quy định quốc gia	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị	Thường xuyên	NSNN	
3.5	Rà soát Rà soát tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị	Thường xuyên	NSNN	
3.6	Tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử thông qua các tính năng tương tác của mạng xã hội.	Các phòng, ban, đơn vị	Các phòng, ban, đơn vị	Hàng năm		
3.7	Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.	Văn phòng Sở		Hàng năm		
3.8	Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.	Văn phòng Sở, Phòng CCHC - QLVTTLT		Hàng năm		

4	Triển khai thực hiện chính sách đãi ngộ đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin của Tỉnh trong quá trình chuyển đổi số, nhằm phát huy nguồn lực về CNTT tại tỉnh và thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về CNTT đến công tác, làm việc tại tỉnh.	Sở Nội vụ (Phòng Công chức, viên chức)	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị	NSNN Hàng năm		
5	Phối hợp Xây dựng kế hoạch đào tạo 20 chuyên gia của tỉnh về an toàn thông tin mạng, chuyên đổi số.	Phòng Công chức, viên chức		2022-2025		
6	Phát triển các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành					
6.1	Hoàn thiện hệ thống thông tin chuyên ngành trên nền tảng số hóa và vận hành bởi quy trình số. Tạo lập dữ liệu thống kê phục vụ quản lý số liệu chuyên ngành, tổng hợp số liệu chỉ tiêu kinh tế xã hội.	Các phòng, ban, đơn vị	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025		
6.2	Triển khai trung tâm điều hành thông minh (OC) tại Sở.	Văn phòng Sở, (CC làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin mạng)	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm		
7	Dịch vụ trực tuyến					
7.1	Triển khai dịch vụ công, tăng cường phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Hoàn thiện mô hình cung cấp dịch vụ công theo quy định quốc gia.	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị	Hàng năm		
7.2	Rà soát tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.	Văn phòng Sở, Phòng CCHC - QLVTTLT	Văn phòng UBND tỉnh	Hàng năm		
7.3	Tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử thông qua các tính năng tương tác của mạng xã hội.	Các phòng, ban, đơn vị	Các phòng, ban, đơn vị	Hàng năm		

8	NHIỆM VỤ ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2020-2025					
8.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu đặc tả tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh phục vụ độc giả sử dụng tài liệu trực tuyến.	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	Vốn sự nghiệp NSDP	KH số 92/KH-UBND ngày 4/3/2021 Kế hoạch 257/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh
8.2	Tích hợp cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử các ngành vào Lưu trữ lịch sử tỉnh và hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu Lưu trữ quốc gia.	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Vốn sự nghiệp NSDP	KH số 92/KH-UBND ngày 4/3/2021 của UBND tỉnh
8.3	Số hóa hồ sơ vĩnh viễn của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn lưu trữ lịch sử tỉnh.	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	Vốn sự nghiệp NSDP	KH số 92/KH-UBND ngày 4/3/2021 Kế hoạch 257/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh
8.4	Xây dựng cơ sở dữ liệu, hồ sơ về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Lào Cai.	Phòng Công chức, viên chức	Các cơ quan, đơn vị	2021-2025	NSNN	
8.5	Số hóa tài liệu kho lưu trữ của Sở, những tài liệu có thời gian bảo quản từ 20 năm trở lên.	Văn phòng Sở	Sở Thông tin Truyền thông	2022-2025	NSNN	
8.6	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác sử dụng tài liệu Lưu trữ lịch sử tỉnh.	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Sở Thông tin Truyền thông	2021-2025	10000	
8.7	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về tổ chức bộ máy, biên chế và đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.	Phòng Tổ chức, biên chế và TCPCP	Sở Thông tin Truyền thông	2022-2025	NSNN	

8.8	Trang bị máy scan cho các đơn vị trong tỉnh. (dự kiến 7 triệu /1 đơn vị).	Phòng Cải cách hành chính - QLVTTLT	Sở Thông tin Truyền thông	2022-2025	1946	Đang trình UBND tỉnh ban hành kèm theo KH Văn thư điện tử (TT số 318/SNV-TTr ngày 11/6/2021 của Sở Nội vụ.
8.9	Nâng cấp, mở rộng phần mềm đánh giá chấm điểm chỉ số CCHC đối với các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành.	Phòng Cải cách hành chính - QLVTTLT	Sở Thông tin Truyền thông	2022-2025	1200	Theo mục tiêu tổng thể CCHC của Chính phủ.
8.10	Nghiên cứu Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc tự động hóa các nội dung trích yếu văn bản hành chính tại Cổng thông tin điện tử Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai	Phòng Cải cách hành chính - QLVTTLT	Sở Thông tin Truyền thông	Năm 2022	2.317.700.000 đồng	Đề án 14-ĐA/TU; Kế hoạch số 82/KH-UBND. Đã đăng ký danh mục đổi mới sáng tạo của tỉnh.
8.11	Nghiên cứu ứng dụng mô hình chấp nhận công nghệ TAM nhằm nâng cao hiệu quả triển khai dịch vụ công trực tuyến tại Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai	Phòng Cải cách hành chính - QLVTTLT	Sở Thông tin Truyền thông	Năm 2023	2.989.801.194 đồng	Đề án 14-ĐA/TU; Kế hoạch số 82/KH-UBND. Đã đăng ký danh mục đổi mới sáng tạo của tỉnh.
8.12	Ứng dụng công nghệ thông tin các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong các hoạt động thi tuyển, thi nâng ngạch, thăng hạng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.	Phòng Công chức, viên chức	Sở Thông tin Truyền thông	2022-2025	2000	Đề án 14-ĐA/TU; Kế hoạch số 82/KH-UBND. Đã đăng ký danh mục đổi mới sáng tạo của tỉnh.
8.13	Nâng cấp phần mềm quản lý dữ liệu thi đua, khen thưởng.	Ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Thông tin Truyền thông	2022-2025	NSNN	Đã thực hiện từ 2019. Đang đề nghị Sở TTTT và Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh
8.14	Ứng dụng công nghệ nhận diện văn bản đến scan tự động cập nhật lên phần mềm Hệ thống quản lý văn bản hồ sơ công việc của Sở Nội vụ và các đơn vị trực thuộc Sở Nội vụ.	Văn phòng Sở	Sở Thông tin Truyền thông	2022	NSNN	Có nhiều đối tượng quản lý (Các tổ chức hội; tổ chức tôn giáo; doanh nghiệp; đơn vị ngành dọc

						...) gửi văn bản giấy đến, do không ứng dụng HTQL văn bản HSCV. Việc scan văn bản và cập nhật thủ công tốn nhiều thời gian; dễ xảy ra sai sót.
9	NHIỆM VỤ ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2021					
1	Số hóa hồ sơ vĩnh viễn của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn lưu trữ lịch sử	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Sở Thông tin và Truyền thông	2021	1000 (Vốn sự nghiệp Ngân sách địa phương)	KH số 92/KH-UBND ngày 4/3/2021; KH số 343/KH-UBND ngày 31/12/2020; KH số 257/KH-UBND ngày 04/6/2021
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu đặc tả tài liệu lưu trữ lịch sử phục vụ độc giả sử dụng tài liệu trực tuyến	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Sở Thông tin và Truyền thông	2021	1000 Vốn sự nghiệp Ngân sách địa phương	KH số 92/KH-UBND ngày 4/3/2021; KH số 343/KH-UBND ngày 31/12/2020; KH số 257/KH-UBND ngày 04/6/2021